

# CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH TẾ PHI NÔNG NGHIỆP CỦA HỘ GIA ĐÌNH NÔNG THÔN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Nguyễn Đình Thành

Nguyễn Thị Phương Thanh

***Tóm tắt:** Nghiên cứu này có mục tiêu xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh tế phi nông nghiệp (PNN) của hộ gia đình ở khu vực nông thôn (KVNT) tỉnh Bình Định. Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 360 hộ gia đình ở KVNT miền núi, ven biển, ven đô thị được lựa chọn trên địa bàn tỉnh Bình Định. Mô hình hồi quy hai bước Heckman được sử dụng để ước lượng các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập từ hoạt động kinh tế PNN của hộ. Kết quả tìm ra 05 yếu tố có ý nghĩa thống kê: trình độ chuyên môn kỹ thuật của chủ hộ (CMKT), số lao động trong hộ, số người phụ thuộc trong hộ, hộ thuộc các nhóm đối tượng hộ nghèo/cận nghèo, hộ dân tộc thiểu số và vùng khảo sát có ảnh hưởng đến thu nhập từ hoạt động PNN của hộ gia đình KVNT.*

***Từ khóa:** Hộ gia đình; Nông thôn; Phi nông nghiệp.*

## **Đặt vấn đề**

Kinh tế hộ gia đình, trong đó chủ yếu là kinh tế hộ gia đình nông dân, là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế Việt Nam (Xuân & Hiền, 2013). Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung, kinh tế hộ gia đình ở KVNT cũng không ngừng phát triển cả về quy mô và hình thức. Mặc dù vậy, kinh tế hộ vẫn bộc lộ nhiều hạn chế như duy trì sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ, tự cung, tự cấp; trình độ sản xuất còn thấp dẫn đến việc phát triển kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn vẫn gặp nhiều khó khăn. Theo kết quả điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản tỉnh Bình Định giai đoạn 2011-2016, tỷ lệ hộ làm nông nghiệp năm 2016 chiếm 49,93% tổng số hộ ở KVNT (giảm 2,61% so với năm 2011); tỷ lệ hộ hoạt động kinh tế chính không phải là nông nghiệp chiếm 41,33% (tăng 0,49% so với năm 2011). Trong 5 năm, đã có sự dịch chuyển dần cơ cấu ngành nghề của lao động hộ nông thôn sang

hoạt động PNN, tuy nhiên mức chuyển dịch là không đáng kể.

Quá trình đô thị hóa cũng đặt ra yêu cầu phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp (NN), nông thôn gắn với sản xuất hàng hóa theo hướng công nghiệp hiện đại, việc chuyển dịch cơ cấu lao động và ngành nghề của các hộ từ nông nghiệp sang PNN là tất yếu; đặc biệt tại những khu vực có điều kiện phát triển ngành nghề PNN như làng nghề truyền thống; nơi tập trung nhiều doanh nghiệp như: khu, cụm công nghiệp; nơi có lợi thế về điều kiện tự nhiên để phát triển các ngành dịch vụ...Đó vừa là điều kiện, vừa là cơ hội để lao động của hộ ở KVNT có thể tham gia các nghề khác ngoài NN để gia tăng thu nhập, phát triển đời sống. Tuy nhiên, tập quán sản xuất, trình độ tư duy thuần nông của các hộ gia đình ở KVNT vẫn là những rào cản đối với việc tìm kiếm việc làm, duy trì hoặc chuyển đổi ngành nghề sản xuất kinh doanh PNN theo hướng phát triển bền vững. Bên cạnh đó, cần phải xét đến

sự quan tâm đặc biệt của chính quyền địa phương (CQĐP) và các tổ chức xã hội tại địa phương đối với việc khuyến khích phát triển kinh tế hộ ở KVNT.

Mặc dù khu vực kinh tế PNN được xem là có nhiều tiềm năng trong việc tạo ra việc làm, nhưng chiến lược và chính sách của Chính phủ chưa dành nhiều sự quan tâm đến việc đảm bảo tạo ra việc làm bền vững cho người lao động của các hộ KVNT. Các nghiên cứu về hoạt động kinh tế PNN ở Việt Nam nói chung và tại Bình Định nói riêng, mà đối tượng cụ thể là các hộ gia đình ở KVNT vẫn còn hạn chế.

Nghiên cứu này phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập từ hoạt động kinh tế PNN của hộ gia đình ở KVNT có xem xét khả năng tham gia hoạt động kinh tế PNN của các hộ nhằm gợi ý các giải pháp chính sách về phát triển hoạt động kinh tế PNN, ngành nghề nông thôn, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập và phát triển kinh tế hộ gia đình ở KVNT.

### 1. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Ở vùng nông thôn của các nước đang phát triển, việc tham gia thị trường lao động là cơ hội và thách thức đối với nhiều hộ gia đình có rất ít hoặc không có đất sản xuất (Beyene, 2008). Nhiều nghiên cứu đánh giá về tầm quan trọng của các hoạt động kinh tế PNN ở hộ gia đình nông thôn, chiến lược đa dạng hóa thu nhập của các hộ gia đình KVNT chỉ ra rằng, các hoạt động NN và PNN là các hoạt động bổ trợ lẫn nhau, không phải hoạt động thay thế (Reardon, 1997; Escobal, 2001; Bernardin, 2014). Các nghiên cứu thực nghiệm khác cũng cho thấy, hoạt động PNN thực sự giúp các nông hộ đa dạng hóa thu nhập, từ đó tạo ra nguồn thu bổ sung để có thể tiếp tục các hoạt động nông nghiệp, tăng cường an ninh lương thực và làm tăng thu nhập (Owusu & cộng sự, 2011; Ali & Peerlings, 2012). Kết quả tính toán sự đóng góp vào tổng thu nhập và thời

gian lao động cho thấy, các hoạt động PNN có ý nghĩa tích cực đối với kinh tế hộ gia đình (Abdulai & Delgado, 1999).

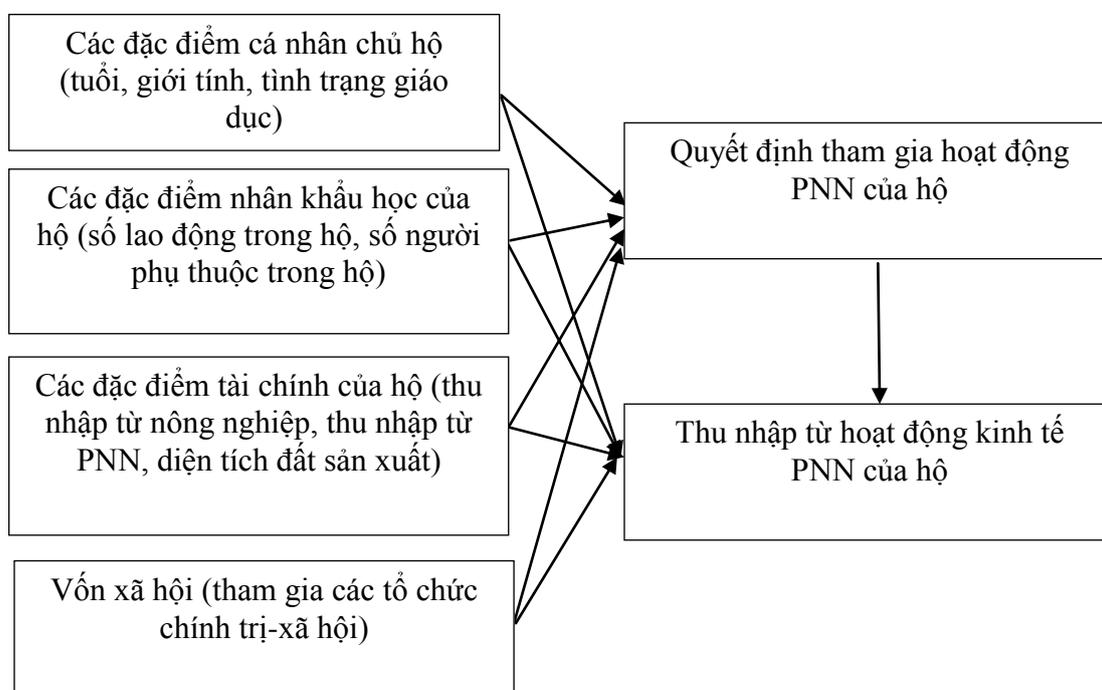
Nghiên cứu của Benjamin & Guyomard (1994) về các quyết định việc làm PNN của các hộ làm nông nghiệp tại Pháp đã chỉ ra rằng, các yếu tố chính tác động thuận chiều đến quyết định tham gia thị trường lao động PNN của các thành viên trong hộ là: trình độ học vấn, giới tính là nữ. Trong khi đó, số lượng người phụ thuộc lại làm giảm sự tham gia của phụ nữ vào thị trường lao động PNN. Reardon (1997) với mô hình về các yếu tố tác động tới quyết định chuyển dịch cơ cấu lao động cho rằng, hộ gia đình quyết định tham gia vào hoạt động PNN là do hai nhóm yếu tố khác nhau “kéo” và “đẩy” lao động vào hoạt động PNN. Các nhân tố “đẩy” như: tăng trưởng dân số; tăng sự khan hiếm của đất sản xuất; giảm khả năng tiếp cận tư liệu sản xuất; giảm doanh thu từ NN; hay các sự kiện và các cú sốc xảy ra... Các nhân tố “kéo” gồm: thu nhập cao hơn của lao động PNN; doanh thu cao hơn khi đầu tư vào lĩnh vực PNN; rủi ro thấp hơn của khu vực PNN so với khu vực NN; nhiều cơ hội đầu tư... Tóm lại, nhân tố “kéo” thể hiện sự hấp dẫn của khu vực PNN đối với hộ; nhân tố “đẩy” liên quan đến áp lực hoặc các hạn chế của khu vực NN buộc hộ tìm kiếm thu nhập khác nếu họ muốn cải thiện các điều kiện sống của mình. De Janvry & Sadoulet (2001) nghiên cứu vai trò của các hoạt động PNN trong các hộ gia đình nông thôn ở Mexico cho thấy, việc tham gia vào các hoạt động kinh tế PNN giúp giảm nghèo và góp phần tạo ra sự bình đẳng hơn trong phân phối thu nhập. Phương pháp ước tính đa thức (trong đó việc không tham gia vào PNN là một sự lựa chọn) cho thấy trình độ học vấn, nguồn gốc dân tộc và sự sẵn có của việc làm PNN có ảnh hưởng đến việc tham gia vào các hoạt động PNN. Giáo dục, đào tạo giúp các hộ

nông dân trong khu vực nghiên cứu tham gia vào các hoạt động kinh tế PNN có thu nhập tốt hơn. Một nghiên cứu khác của Reardon & Escobar (2001) cũng chỉ ra rằng, hiệu quả từ giáo dục, đào tạo sẽ khác nhau tùy thuộc vào loại hình hoạt động kinh tế PNN. Các yếu tố khác như thiếu diện tích đất sản xuất, khả năng tiếp cận thông tin thị trường có ảnh hưởng đến quyết định tham gia vào việc làm PNN cũng như thu nhập của hộ.

Các hoạt động nghiên cứu trong nước kế thừa cơ sở lý luận, lý thuyết từ các nghiên cứu

ngoài nước và sử dụng dữ liệu điều tra có sẵn để khai thác các khía cạnh khác nhau như đặc điểm, vai trò, sự ảnh hưởng của các yếu tố đến hoạt động PNN hộ gia đình nông thôn. Thông qua bộ dữ liệu từ cuộc điều tra tiếp cận nguồn lực hộ gia đình nông thôn Việt Nam (Vietnam Access to Resources Household Survey - VARHS), Lê Trung Hiếu, Phạm Tiến Thành (2018), Kinghan và Newman (2017), Hoang và cộng sự (2014) đã đánh giá vai trò của hoạt động kinh doanh PNN lên mức sống của nông hộ ở nông thôn Việt Nam.

HÌNH 1. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU NHẬP PNN CỦA HỘ GIA ĐÌNH KVNT



Hoạt động kinh tế PNN có thể bao gồm toàn bộ các hoạt động sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ tại các cơ sở kinh tế và hộ gia đình. Bài viết này sử dụng khái niệm từ nghiên cứu của World Bank (2016), trong đó, hoạt động kinh tế PNN ở KVNT được hiểu là một tập hợp các hoạt động diễn ra ở KVNT, là một tập hợp các hoạt động không tạo ra các sản phẩm NN chủ lực. Các hoạt động PNN ở nông thôn bao gồm các hoạt động chuỗi giá trị như: chế biến nông sản, vận chuyển, phân phối, tiếp

thị và bán lẻ, bên cạnh đó còn bao gồm các hoạt động kinh tế khác trong phạm vi KVNT như: hoạt động du lịch, chế tạo, xây dựng, khai thác khoáng sản và các hoạt động tự làm khác như làm đồ thủ công mỹ nghệ, hàng quán ăn uống, làm nghề cơ khí, bán hàng tạp hóa... Dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn cùng điều kiện đặc thù của địa bàn nghiên cứu, có thể nhận diện các yếu tố tiềm năng ảnh hưởng đến thu nhập PNN của hộ gia đình trên địa bàn nghiên cứu được biểu diễn trong Hình 1.

HỘP 1. MÔ HÌNH HECKMAN (Heckman, 1979)

Để ước lượng các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập từ hoạt động PNN của hộ gia đình ở KVNT, trong nghiên cứu này, phương trình hàm thu nhập Mincer (1974) phát triển theo mô hình nghiên cứu của David Card (1999) được áp dụng có dạng tuyến tính như sau:

$$\ln Y_i = \beta X_i + u_i \quad (1)$$

Trong đó:  $Y$  là thu nhập thực tế từ hoạt động PNN bình quân hàng năm của hộ.  $Y$  đồng thời là thu nhập tiềm năng từ hoạt động PNN nếu như hộ có ý định hoạt động PNN.  $X_i$  là các biến kiểm soát có thể ảnh hưởng đến thu nhập  $Y$ .

Quyết định tham gia hoạt động PNN của hộ được xây dựng thành hàm lựa chọn như sau:

$$Z = \alpha X'_i + \varepsilon_i \quad (2)$$

Trong đó,  $Z$  là quyết định tham gia hoạt động PNN của các hộ gia đình ở KVNT.

$Z = 1$ , nếu hộ gia đình có tham gia hoạt động kinh tế PNN;

$Z = 0$ , nếu hộ gia đình không tham gia hoạt động kinh tế PNN ;

$X'_i$  là các biến kiểm soát có thể ảnh hưởng lên quyết định của hộ, được giả định là chứa tất cả các biến trong  $X_i$  và thêm một vài yếu tố khác.  $\varepsilon_i$  là sai số của hàm lựa chọn.

Gọi  $u \sim N(0, \sigma_u^2)$ ,  $\varepsilon \sim N(0, \sigma_\varepsilon^2)$  với  $\sigma_\varepsilon^2 = 1$ , phân phối đồng thời  $F(u, \varepsilon)$  cũng là phân phối chuẩn;  $u, \varepsilon$  độc lập với  $X, X'$ . Hệ số tương quan giữa  $u$  và  $\varepsilon$  là  $\rho_{u\varepsilon}$ ; hiệp phương sai giữa  $u$  và  $\varepsilon$  là  $\rho_{u\varepsilon}\sigma_u$ , tức là  $Cov(u, \varepsilon) = E(u_i\varepsilon_i) = \rho_{u\varepsilon}\sigma_u$ . (3)

Trong các nghiên cứu thông thường, mẫu chỉ được chọn ứng với  $Z = 1$ .

Lấy kỳ vọng có điều kiện ở cả hai vế của phương trình (3), ta có:

$$E(Y_i|Z_i = 1, X_i) = \beta X_i + E(u_i|Z_i = 1, X_i)$$

Suy ra:  $E(Y_i|Z_i = 1, X_i) = \beta X_i + E(u_i|\varepsilon_i > -X'_i\alpha, X_i)$  (4)

Vì  $u, \varepsilon$  độc lập với  $X, X'$  nên (4) có thể viết lại:

$$E(Y_i|Z_i = 1, X_i) = \beta X_i + E(u_i|\varepsilon_i > -X'_i\alpha) \quad (5)$$

Nếu  $u, \varepsilon$  không tương quan ( $\rho_{u\varepsilon} \neq 0$ ) thì  $E(u_i|\varepsilon_i > -X'_i\alpha) \neq 0$  khi đó ước lượng sẽ bị chệch và ngược lại. Theo Green (2011),  $E(u_i|\varepsilon_i > -X'_i\alpha)$  có thể được ước lượng thông qua tỷ lệ Mills nghịch đảo, cho biết tỷ lệ giữa hàm mật độ xác suất so với hàm phân phối tích lũy của một đại lượng ngẫu nhiên, tỷ lệ này được xây dựng dựa trên tính chất sau đây của hàm phân phối chuẩn:

$$\text{Nếu } u \sim N(\mu, \sigma_u^2) \text{ thì } E(u|u > \gamma) = \mu + \frac{\phi\left(\frac{\gamma-\mu}{\sigma_u}\right)}{1-\Phi\left(\frac{\gamma-\mu}{\sigma_u}\right)} \quad (6)$$

Trong đó:  $\phi(\cdot)$  là hàm mật độ xác suất Gauss,

$\Phi(\cdot)$  là hàm phân phối của phân phối Gauss,

Tỷ lệ  $\frac{\phi\left(\frac{\gamma-\mu}{\sigma_u}\right)}{1-\Phi\left(\frac{\gamma-\mu}{\sigma_u}\right)}$  được gọi là tỷ lệ Mills nghịch đảo, ký hiệu là  $\lambda$

Áp dụng (6) để tính  $E(\varepsilon_i|\varepsilon_i > -X'_i\alpha)$  với  $\varepsilon_i \sim N(0, 1)$  và  $\gamma_i = -X'_i\alpha$  ta được:

$$E(\varepsilon_i|\varepsilon_i > -X'_i\alpha) = 0 + 1 \cdot \lambda_i(-X'_i\alpha) = \lambda_i(-X'_i\alpha) = \frac{\phi(-X'_i\alpha)}{1-\Phi(-X'_i\alpha)} = \frac{\phi(X'_i\alpha)}{\Phi(X'_i\alpha)} \quad (7)$$

Kết hợp với (3), ta được  $E(u_i|\varepsilon_i > -X'_i\alpha) = \rho_{u\varepsilon}\sigma_u\lambda_i(-X'_i\alpha) = \beta_\lambda\lambda_i(-X'_i\alpha)$

Phương trình hồi quy (6) trở thành:

$$E(Y_i|Z_i = 1, X_i) = \beta X_i + E(u_i|\varepsilon_i > -X'_i\alpha)$$

Hay  $W_i = \beta X_i + \beta_\lambda\lambda(-X'_i\alpha) + v_i$  (8)

Trong phương trình (8), số hạng  $\lambda(-X'_i\alpha)$  đóng vai trò như là biến bị bỏ sót, được bổ sung vào mô hình. Vì biến bỏ sót đã được đưa vào mô hình nên ước lượng  $\beta$  thu được khi hồi quy theo (8) sẽ là ước lượng không chệch.

## 2. Phương pháp nghiên cứu và mô hình nghiên cứu

### 2.1. Phương pháp nghiên cứu

Hộ không tham gia hoạt động PNN có thể có nhiều nguyên nhân. Thứ nhất, chủ hộ hoặc các thành viên trong hộ là những lao động tiềm năng nhưng không muốn hoặc chưa có dự định tham gia thị trường lao động PNN. Thứ hai, hộ có tham gia hoạt động kinh tế PNN nhưng vì một số lý do mà hoạt động PNN được thực hiện một cách không thường xuyên và cuộc khảo sát được thực hiện vào thời điểm mà hộ không tham gia hoạt động PNN nào (Matshe và Young, 2004). Nghiên cứu dựa trên dữ liệu vi mô được thu thập trong thời gian khảo sát tương đối ngắn nên việc bỏ qua các trường hợp này có thể gây ra ước lượng chệch do chọn mẫu (Heckman, 1979). Để giải quyết vấn đề này, Heckman (1979) đề xuất khắc phục bằng cách lượng hóa yếu tố bị bỏ sót và đưa biến này vào mô hình (Hộp 1).

Từ các bước lập luận như trên (Hộp 1), mô hình hồi quy hiệu chỉnh chệch do chọn mẫu theo hai bước theo đề xuất của Heckman được thực hiện như sau:

- Bước 1: Ước lượng hồi quy Probit với biến phụ thuộc  $Z$  ở phương trình (2) để thu được ước lượng  $\alpha$ . Với mỗi quan sát trong mẫu, tính tỷ lệ Mills ở công thức (6);

- Bước 2: Hồi quy  $\ln Y_i$  theo  $X_i$  và  $\lambda$  ở phương trình (8) bằng OLS để thu được ước lượng không chệch của  $\beta$ .

### 2.2. Phương pháp thu thập thông tin và mẫu nghiên cứu

Số liệu được thu thập từ việc khảo sát các hộ gia đình ở KVNT tại một số địa bàn miền núi, ven biển, ven đô thị tỉnh Bình Định gồm: Vân Canh, An Lão, Phù Cát, Hoài Nhơn và An Nhơn, Tuy Phước. Trong đó, 360 hộ được khảo sát ngẫu nhiên, bao gồm: hộ chuyên nghề (hoạt động trong các lĩnh vực ngành nghề và dịch vụ), hộ kiêm nghề (vừa làm NN, vừa làm PNN) và hộ làm nông nghiệp. Dữ liệu thu thập bao gồm đặc điểm của hộ và chủ hộ, các hoạt động và nguồn thu nhập liên quan đến hoạt động PNN diễn ra trong năm 2019.

Các biến số được sử dụng trong mô hình được trình bày chi tiết trong Bảng 1.

BẢNG 1. MÔ TẢ CÁC BIẾN TRONG MÔ HÌNH

Ký hiệu	Mô tả biến	Đơn vị tính	Kỳ vọng về dấu
TUOI	Tuổi chủ hộ	Năm	+
TUOI <sup>2</sup>	Tuổi chủ hộ bình phương		-
GIOITINH	Giới tính chủ hộ	Nhận giá trị 1=Nam, 0=Nữ	+
TRINHDOCM	Trình độ CMKT của chủ hộ	Nhận giá trị 1= Có TĐCM, 0=Không có TĐCM	+
LAODONG	Số lượng người làm việc trong hộ	Người	+
PHUTHUOC	Số lượng người phụ thuộc của hộ	Người	-
THUNNBQ	Thu nhập bình quân năm của 1 nhân khẩu từ hoạt động sản xuất nông nghiệp	(Triệu đồng)	-
THUPNNBQ	Bao gồm thu nhập bình quân năm	(Triệu đồng)	

Ký hiệu	Mô tả biến	Đơn vị tính	Kỳ vọng về dấu
	của 1 nhân khẩu từ hoạt động PNN tự làm và từ hoạt động làm công ăn lương		
SDAT	Diện tích đất sử dụng cho sản xuất kinh tế của hộ	(m <sup>2</sup> )	+/-
THAMGIATC	Hộ tham gia vào các tổ chức chính trị-xã hội và nhận được sự hỗ trợ/lợi ích có hiệu quả	Nhận giá trị 1=Có, 2=Không	+
TINDUNG	Khả năng tiếp cận tín dụng của hộ. Hộ có vay vốn để kinh doanh sản xuất	Nhận giá trị 1=Có vay vốn, 0=Không có vay vốn	+
DOITUONG	Hộ thuộc các nhóm đối tượng được hỗ trợ	Nhận giá trị 1=Có, 2=Không	-
VUNGKS	Khu vực khảo sát	Nhận giá trị 1=Miền núi 2=Ven đô thị 3=Ven biển	

Mô hình hồi quy các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập PNN của các hộ gia đình ở KVNT như sau:

$$\ln THUPNNBQ = \beta_1 + \beta_2 GIOITINH + \beta_3 TRINHDOCM + \beta_4 LAODONG + \beta_5 PHUTHUOC + \beta_6 TUOI + \beta_7 TUOI^2 + \beta_8 DOITUONG + \beta_9 VUNGKS + \beta_{10} \lambda + u_i$$

Với  $\lambda$  là tỷ lệ Mills nghịch đảo được ước lượng từ mô hình hồi quy các yếu tố ảnh hưởng đến lựa chọn tham gia hoạt động PNN của hộ gia đình ở KVNT như sau:

$$THAMGIAPNN = \beta_1 + \beta_2 THUNNBQ + \beta_3 TRINHDOCM + \beta_4 LAODONG + \beta_5 PHUTHUOC + \beta_6 THAMGIATC + \beta_7 SDAT + \beta_8 TINDUNG + \beta_9 DOITUONG + \varepsilon_i$$

Trong đó, THAMGIAPNN là biến giả, phản ánh tình trạng tham gia hoạt động PNN của hộ, nhận giá trị 0 hoặc 1 (nhận giá trị 0 nếu hộ không tham gia hoạt động PNN và nhận giá trị 1 nếu hộ tham gia hoạt động PNN).

### 3. Kết quả nghiên cứu

Các thông số kiểm định mô hình cho thấy, mô hình có ý nghĩa ở mức 1% (Kiểm định Wald) và hệ số Mills ( $\lambda$ ) có ý nghĩa ở mức 5%. Điều này cho thấy, khả năng tham gia hoạt động kinh tế PNN và thu nhập từ hoạt động kinh tế PNN có mối tương quan với nhau. Kết quả này phù hợp với lập luận của Heckman (1979) rằng vấn đề chênh lệch do chọn mẫu thực sự xảy ra và việc hiệu chỉnh ước lượng chệch do chọn mẫu là cần thiết.

BẢNG 2. KẾT QUẢ ƯỚC LƯỢNG CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU NHẬP TỪ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ PNN CỦA HỘ NÔNG THÔN

Biến giải thích	Hệ số $\beta$	P>/z/
Thu nhập bình quân từ hoạt động PNN ( $\ln thupnnbq$ )		
Trình độ CMKT (Trinhdocm)	0,2364586 <sup>***</sup>	0,001
Giới tính chủ hộ (Gioitinh)	0,0183701 <sup>NS</sup>	0,757
Tuổi chủ hộ (Tuoi)	0,0033434 <sup>NS</sup>	0,862

Biến giải thích	Hệ số $\beta$	P>/z/
Tuổi chủ hộ bình phương (Tuoi2)	- 0,0000692 <sup>NS</sup>	0,741
Số người phụ thuộc trong hộ (Phuthuoc)	-0,2051313 <sup>***</sup>	0,000
Số lao động trong hộ (Laodong)	-0,0781704 <sup>**</sup>	0,021
Thuộc nhóm đối tượng (Doituong)	-0,711579 <sup>***</sup>	0,000
Vùng khảo sát (Vungks, khu vực miền núi là tham chiếu)		
- Khu vực ven đô thị	0,240173 <sup>***</sup>	0,001
- Khu vực ven biển	0,2112508 <sup>***</sup>	0,005
Hằng số	316,142	0,000
<i>Quyết định tham gia hoạt động PNN (thamgiapnn)</i>		
Thu nhập nông nghiệp bình quân đầu người (thunbq)	-0,617608 <sup>***</sup>	0,000
Trình độ CMKT (trinhdocm)	1,025061 <sup>**</sup>	0,041
Tham gia tổ chức (thamgiatc)	0,3690026 <sup>NS</sup>	0,436
Số người phụ thuộc trong hộ (Phuthuoc)	0,0508432 <sup>NS</sup>	0,844
Số lao động trong hộ (Laodong)	1,229085 <sup>**</sup>	0,020
Diện tích đất sản xuất (Sdat)	0,0000439 <sup>**</sup>	0,022
Tiếp cận tín dụng (tindung)	1,074543 <sup>NS</sup>	0,179
Thuộc nhóm đối tượng (doituong)	-2,021827 <sup>***</sup>	0,002
Hằng số	0,6955514	0,471
Số quan sát: 360 Log likelihood = - 169,0595 Wald chi <sup>2</sup> (9) = 141,80 Prob > chi <sup>2</sup> = 0,0000 lambda = -0,2021151 Prob > chi <sup>2</sup> = 0.0404		

\*, \*\*, \*\*\* lần lượt có ý nghĩa thống kê ở mức  $\alpha$  là 10%, 5% và 1%; NS là không có ý nghĩa.

Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia hoạt động kinh tế PNN của hộ gia đình ở KVNT trong mô hình Heckman hai bước cho thấy, có 05 yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia hoạt động kinh tế PNN của hộ có ý nghĩa thống kê là: mức thu nhập NN bình quân, trình độ CMKT, số lao động trong hộ, diện tích đất sản xuất và thuộc nhóm đối tượng được hỗ trợ.

Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập từ hoạt động kinh tế PNN của hộ ở KVNT có quyết định tham gia hoạt động kinh tế PNN được

giải thích bởi các yếu tố sau: trình độ CMKT, số người phụ thuộc trong hộ, số lao động trong hộ, thuộc nhóm đối tượng và vùng khảo sát. Trong đó, việc hộ thuộc nhóm đối tượng như hộ dân tộc thiểu số, hộ nghèo/cận nghèo sẽ có tác động nhiều nhất đến thu nhập từ hoạt động kinh tế PNN, tiếp theo là yếu tố trình độ chuyên môn, kỹ thuật và khu vực mà hộ sinh sống.

Số người phụ thuộc (phuthuoc) là những người sống phụ thuộc vào gia đình và không có khả năng tạo ra thu nhập. Hệ số tác động

biên mang dấu (-) của số người phụ thuộc cho thấy yếu tố số người phụ thuộc có mối tương quan nghịch chiều với thu nhập bình quân từ hoạt động kinh tế PNN của hộ, có ý nghĩa ở mức 1%. Hệ số tác động biên của số người phụ thuộc là -0,2051 ngụ ý rằng hộ gia đình có số người phụ thuộc tăng thêm thì thu nhập bình quân từ hoạt động kinh tế PNN của hộ sẽ giảm 22,76% ( $= (e^{0,2051} - 1) \times 100\%$ ). Như vậy, những hộ gia đình có số người phụ thuộc nhiều hơn thì mức thu nhập từ hoạt động kinh tế PNN sẽ thấp hơn so với những hộ có số người phụ thuộc ít hơn. Kết quả này cũng phù hợp với kết quả nghiên cứu của Benjamin & Guyomard (1994): việc có đông người phụ thuộc thì lao động của hộ sẽ có sự phân bổ thời gian nhiều hơn cho việc chăm sóc gia đình, do đó, thời gian tham gia các việc làm PNN ít hơn, thu nhập sẽ thấp hơn.

Số lao động trong hộ (laodong) có hệ số tác động biên mang dấu (-) cho thấy số lượng lao động trong hộ có mối tương quan nghịch chiều với mức thu nhập bình quân từ hoạt động kinh tế PNN của hộ, có ý nghĩa thống kê ở mức 5%. Hệ số tác động biên của số lượng lao động trong hộ là -0,0781 cho biết hộ có số lao động tăng thêm thì thu nhập bình quân từ hoạt động kinh tế PNN của hộ sẽ giảm 8,12% ( $= (e^{0,0781} - 1) \times 100\%$ ). Sự hạn chế về cơ hội tiếp cận việc làm PNN, thiếu thông tin về cung cầu thị trường lao động khiến lao động của hộ gặp khó khăn để có được việc làm PNN có mức thu nhập tốt, một số hộ chấp nhận việc làm PNN với mức thu nhập thấp hoặc làm những công việc không thường xuyên.

Trình độ chuyên môn, kỹ thuật của chủ hộ (trinhdocm) phản ánh chất lượng lao động như năng lực chuyên môn, trình độ tay nghề, đáp ứng các yêu cầu của hoạt động kinh tế PNN. Trình độ CMKT (trinhdocm) của chủ hộ có hệ số tác động biên mang dấu (+) cho thấy yếu tố này có mối tương quan thuận chiều với thu

nhập bình quân từ hoạt động kinh tế PNN của hộ, có ý nghĩa thống kê ở mức 1%. Hệ số tác động biên của trình độ CMKT của chủ hộ là 0,2364, cho thấy sự chênh lệch thu nhập bình quân PNN giữa các hộ mà chủ hộ có trình độ CMKT và không có trình độ CMKT là 26,67% ( $= (e^{0,2364} - 1) \times 100\%$ ).

Hộ thuộc nhóm đối tượng như hộ dân tộc thiểu số, hộ nghèo/cận nghèo (doituong) có hệ số tác động biên mang dấu (-) cho thấy yếu tố này có mối tương quan nghịch chiều với thu nhập bình quân từ hoạt động kinh tế PNN của hộ, có ý nghĩa thống kê ở mức 1%. Hệ số tác động biên của yếu tố hộ thuộc nhóm đối tượng là -0,7115 cho thấy sự chênh lệch thu nhập bình quân PNN của các hộ thuộc nhóm đối tượng thấp hơn 103,7% ( $= (e^{0,7115} - 1) \times 100\%$ ) so với những hộ không thuộc diện đối tượng nào.

Xét theo vùng khảo sát, nhóm hộ ở khu vực miền núi được chọn làm nhóm tham chiếu, thu nhập PNN bình quân của những hộ nông thôn ở khu vực ven đô thị cao hơn so với khu vực miền núi là 27,25% ( $= (e^{0,2401} - 1) \times 100\%$ ); tương tự như vậy, nhóm hộ nông thôn ở khu vực ven biển có mức thu nhập cao hơn so với khu vực miền núi là 23,5% ( $= (e^{0,2112} - 1) \times 100\%$ ).

## 4. Thảo luận và đề xuất

### 4.1. Thảo luận

Dựa trên kết quả hồi quy đạt được, yếu tố hộ thuộc nhóm đối tượng như hộ dân tộc thiểu số, hộ nghèo/cận nghèo và trình độ CMKT của chủ hộ là 2 yếu tố có tác độ rõ ràng nhất đến quyết định tham gia hoạt động PNN cũng như thu nhập từ hoạt động PNN của hộ gia đình ở KVNT. Theo đó, hộ thuộc nhóm hộ được hỗ trợ ít tham gia hoạt động PNN hơn cũng như chủ hộ có CMKT tốt hơn thì hộ có xu hướng tham gia hoạt động PNN nhiều hơn.

Kết quả nghiên cứu phản ánh được thực tế tại KVNT Bình Định, đó là tình trạng thiếu việc làm đối với lao động, hay cung lớn hơn cầu trong thị trường lao động PNN dẫn đến người lao động không có lựa chọn về thu nhập, chấp nhận việc làm PNN với mức thu nhập thấp hoặc thời gian làm việc ngắn hạn. Đây cũng là một trong những vấn đề dẫn đến tình trạng di cư từ nông thôn ra thành thị trên địa bàn tỉnh.

#### 4.2. Đề xuất

Kết quả nghiên cứu cung cấp một khuyến nghị nhằm thúc đẩy phát triển hoạt động kinh tế PNN ở KVNT

Trước tiên, chất lượng đội ngũ lao động có kỹ năng là nhân tố quyết định đến sự phát triển của hoạt động kinh tế PNN, đặc biệt trong bối cảnh công nghiệp hóa và kinh tế thị trường. Do đó, cần xem trọng việc nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề PNN cho lao động nông thôn. Trong đó, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cần không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả. Đồng thời, việc quy hoạch đào tạo dạy nghề, truyền nghề cần gắn với nhu cầu học nghề của lao động, nhu cầu của nhà

tuyển dụng, nhằm phát huy tối đa nghề PNN mà người lao động đã được đào tạo.

Tạo điều kiện cho hộ nông thôn, đặc biệt là các đối tượng như hộ nghèo/cận nghèo, hộ dân tộc thiểu số tiếp cận các nguồn lực tham gia vào hoạt động kinh tế PNN thông qua các hỗ trợ về tín dụng, thông tin thị trường, dịch vụ hỗ trợ sản xuất, kinh doanh sản phẩm,...

Tạo thêm nhiều cơ hội việc làm và nguồn thu cho các hộ gia đình nông thôn thông qua việc phát triển mở rộng ngành nghề, làng nghề hoặc phát triển làng nghề truyền thống gắn kết phát triển du lịch.

Tăng cường vai trò của các tổ chức chính trị-xã hội, chính quyền địa phương đối với việc phát triển các hoạt động PNN trong hộ gia đình nông thôn. Bên cạnh công tác tuyên truyền sâu sắc các quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế PNN, các tổ chức chính trị - xã hội, chính quyền địa phương còn có vai trò quan trọng trong việc giúp đỡ các hộ gia đình nông thôn thuận lợi, hiệu quả trong việc tham gia và tiếp cận các sự hỗ trợ.

#### Tài liệu tham khảo

1. Abdulai, A., & Delgado, C. L. (1999). Determinants of nonfarm earnings of farm-based husbands and wives in northern Ghana. *American Journal of Agricultural Economics*, 81(1), 117-130.
2. Ali, M., & Peerlings, J. (2012). Farm households and nonfarm activities in Ethiopia: Does clustering influence entry and exit? *Agricultural Economics*, 43, 253-266
3. Benjamin, C., & Guyomard, H. (1994). Off-farm work decisions of French agricultural households. *Agricultural Household Modelling and Family Economics*, 65-86.
4. Beyene, A. D. (2008). Determinants of off-farm participation decision of farm households in Ethiopia. *Agrekon*, 47(1), 140-161.
5. Card, D. (1999). The causal effect of education on earnings. *Handbook of Labor Economics*, 3, 1801-1863.
6. De Janvry, A., & Sadoulet, E. (2001). Income strategies among rural households in Mexico: The role of off-farm activities. *World Development*, 29(3), 467-480.
7. Escobar, J. (2001). The determinants of nonfarm income diversification in Rural Peru. *World Development*, 29: 497-508.
8. Green H. W., (2011). *Analysis Econometrics*. New York University.

9. Heckman, J. J. (1979). Sample selection bias as a specification error. *Econometrica: Journal of the Econometric Society*, 153-161.
10. Hiều, L. T. & Thành P. T. (2018). Tác động của hoạt động phi nông nghiệp lên mức sống của hộ gia đình ở nông thôn Việt Nam. *Asia-Pacific Economic Review*.
11. Hoang, T. X., Pham, C. S., & Ulubaşođlu, M. A. (2014). Non-farm activity, household expenditure, and poverty reduction in rural Vietnam: 2002–2008. *World Development*, 64, 554-568.
12. Kinghan, C. and Newman, C., (2017). The rural non-farm economy' In: F. Tarp (ed.) *Growth, Structural Transformation and Rural Change in Viet Nam: A Rising Dragon on the Move*. Oxford University Press.
13. Matshe, I., & Young, T. (2004). Off-farm labour allocation decisions in small-scale rural households in Zimbabwe. *Agricultural Economics*, 30(3), 175-186.
14. Mincer, J. (1974). *Schooling, Experience and Earnings*. New York: National Bureau of Economic Research.
15. Owusu, V., Abdulai, A., & Abdul-rahman, S. (2011). Non-farm work and food security among farm households in Northern Ghana. *Food Policy*, 36(2), 108-118.
16. Reardon, T. (1997). Using evidence of household income diversification to inform study of the rural nonfarm labor market in Africa. *World Development*, 25(5), 735-747.
17. Reardon, T., Berdegue, J., & Escobar, G. (2001). Rural nonfarm employment and incomes in Latin America: overview and policy implications. *World Development*, 29(3), 395-409.
18. World Bank (2016). *Growing the rural nonfarm economy to alleviate poverty: an evaluation of the contribution of the World Bank Group*. Sector and thematic evaluation. Washington, D.C.: World Bank Group.
19. Xuân, M. T. T., & Hiền, Đ. T. T. (2013). Phát triển kinh tế hộ gia đình ở Việt Nam. *VNU Journal of Science: Economics and Business*, 29(3).

---

**Thông tin tác giả:****1. Nguyễn Đình Thành, TS.**

- Đơn vị công tác: Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế xã hội Bình Định

**2. Nguyễn Thị Phương Thanh, ThS.**

- Đơn vị công tác: Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế xã hội Bình Định

- Địa chỉ email: thanh.epi@gmail.com

Ngày nhận bài: 3/12/2020

Ngày nhận bản sửa: 16/2/2021

Ngày duyệt đăng: 28/2/2021